

Số: 399/TB-ĐHKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2013

THÔNG BÁO TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2013

Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN thông báo tuyển sinh
Sau đại học năm 2013 như sau:

1. Các ngành và môn thi tuyển:

1.1. *Bậc Thạc sĩ (Cao học)*

| TT | Ngành/Chuyên ngành | Các môn thi tuyển | | |
|----|--|-------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| | | <i>Ngoại ngữ</i> | <i>Môn cơ bản</i> | <i>Môn cơ sở</i> |
| 1 | Kinh tế quốc tế | Tiếng Anh | Toán kinh tế | Kinh tế học |
| 2 | Tài chính - Ngân hàng | Tiếng Anh | Toán kinh tế | Kinh tế học |
| 3 | Quản trị kinh doanh | Tiếng Anh | Toán kinh tế | Quản trị học |
| 4 | Quản lý kinh tế | Tiếng Anh | Kinh tế chính trị | Quản trị học |
| 5 | Kinh tế chính trị | Tiếng Anh | Triết học Mác – Lênin | Lịch sử các học thuyết kinh tế |
| 6 | Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp | Tiếng Anh | Đánh giá năng lực | Phỏng vấn |

1.2. *Bậc Tiến sĩ (Nghiên cứu sinh)*

| TT | Ngành | Các môn thi tuyển | |
|----|---------------------|-------------------|------------------------------|
| | | <i>Ngoại ngữ</i> | Đánh giá Hồ sơ chuyên môn |
| 1 | Kinh tế chính trị | Tiếng Anh | |
| 2 | Kinh tế quốc tế | Tiếng Anh | |
| 3 | Quản trị kinh doanh | Tiếng Anh | |

2. Thời gian thi tuyển:

- Đợt 1: Ngày 15 và 16 tháng 6 năm 2013

- Đợt 2: Ngày 14 và 15 tháng 9 năm 2013

3. Điều kiện dự thi: Theo Phụ lục 1 kèm theo

4. Thời gian đào tạo:

4.1. *Đối với đào tạo tiến sĩ:* 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 4 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

4.2. *Đối với đào tạo thạc sĩ:* 2 năm.

4.3. Thời gian kéo dài: được phép là 1 năm cho đào tạo thạc sĩ và 2 năm cho đào tạo tiến sĩ.

5. Yêu cầu về môn thi Tiếng Anh:

5.1. Đối với thí sinh dự thi tiến sĩ:

a. Thí sinh dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

- Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về tiếng Anh, trong thời hạn 2 năm tính từ ngày dự thi lấy chứng chỉ đến ngày 15/6/2013 (đợt 1) hoặc ngày 14/9/2013 (đợt 2) do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 (danh sách tại Phụ lục kèm theo).

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ;

- Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ dự tuyển đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN với mức điểm từ 65/100 điểm trở lên trong thời hạn 2 năm tính từ ngày dự thi lấy chứng chỉ đến ngày 15/6/2013 (đợt 1) hoặc ngày 14/9/2013 (đợt 2);

b. Thí sinh chưa có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ nói trên được đăng kí dự thi môn Tiếng Anh trong cùng đợt tuyển sinh để thay thế mức điểm từ 65/100 điểm trở lên.

5.2. Đối với thí sinh dự thi thạc sĩ:

- Thí sinh có thể nộp Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ dự tuyển đào tạo SDH ở ĐHQGHN để được xét bảo lưu kết quả Tiếng Anh.

- Thí sinh chưa có Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ dự tuyển đào tạo SDH ở ĐHQGHN phải đăng kí dự thi môn Tiếng Anh trong cùng đợt tuyển sinh mức điểm từ 50/100 điểm trở lên.

Ghi chú: Thí sinh tham dự kì thi tuyển sinh SDH năm 2013 của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, đạt kết quả môn thi Tiếng Anh theo mức điểm quy định, được đăng kí cấp Chứng chỉ ngoại ngữ xác nhận trình độ dự tuyển đào tạo SDH ở ĐHQGHN tại HĐTS SDH Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

6. Chính sách ưu tiên:

6.1. Người dự thi thuộc một trong những đối tượng sau được ưu tiên trong tuyển sinh đào tạo sau đại học:

a. Có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ;

b. Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

d. Người dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

6.2. Các đối tượng ưu tiên phải có đủ các giấy tờ minh chứng hợp lệ theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn cùng với hồ sơ đăng kí

dự thi. Các đối tượng được ưu tiên theo điểm a, Mục 6.1 phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền và xác nhận của chính quyền địa phương nơi công tác.

6.3. Thí sinh dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ và 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

7. Hồ sơ dự thi: Theo mẫu phát hành tại Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

8. Thời gian nhận hồ sơ:

- Đợt 1: Từ 10/04/2013 đến 10/05/2013

- Đợt 2: Từ 09/07/2013 đến 09/08/2013

9. Lệ phí đăng kí hồ sơ dự thi:

9.1. Đối với thí sinh dự thi tiên sĩ:

- Lệ phí đăng kí hồ sơ dự thi: 60.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí dự thi: 200.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí thi môn Tiếng Anh (nếu thí sinh phải đăng kí dự thi): 120.000đ/thí sinh.

9.2. Đối với thí sinh dự thi thạc sĩ:

- Lệ phí đăng kí hồ sơ dự thi: 60.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí dự thi: 360.000 đồng/thí sinh (310.000 đồng/thí sinh đối với thí sinh được bảo lưu kết quả môn Tiếng Anh).

10. Địa điểm liên hệ: Phòng Đào tạo (Phòng 504, nhà E4), Trường Đại học Kinh tế, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội; **Website:** www.ueb.vnu.edu.vn;

Điện thoại: 04.37457506 (máy lẻ 504, 524, 554)

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các Sở, Ban, Ngành, UBND các tỉnh;
- Các Học viện, trường Cao đẳng, Đại học;
- Lưu HCTH, ĐT. NT20

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh

PHỤ LỤC 1

ĐIỀU KIỆN VỀ VĂN BẰNG, THÂM NIÊN CÔNG TÁC DỰ THI TUYỂN SINH THẠC SĨ, TIẾN SĨ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số 399 /TB-ĐHKT, ngày 14 tháng 03 năm 2013)

1. Điều kiện dự thi tiến sĩ:

1.1. Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố:

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng ký dự thi.
- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.
- Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.

* Lưu ý:

- Đối với các thí sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng ký dự tuyển theo định hướng thực hành phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.
- Đối với các thí sinh ngành Kinh tế chính trị, thí sinh phải có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng ký dự thi. Trong năm 2012, Trường Đại học Kinh tế không nhận hồ sơ của thí sinh phải thi theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

1.2. Điều kiện về thâm niên công tác:

Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

2. Điều kiện dự thi thạc sĩ:

2.1. Điều kiện về văn bằng

❖ Đối với chuyên ngành Kinh tế quốc tế

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế quốc tế hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế quốc tế.
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế quốc tế được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| 4 | Thương mại quốc tế | 3 |
| 5 | Đầu tư quốc tế | 3 |
| Tổng cộng | | 15 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế quốc tế được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|---------------------------|-------------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| 4 | Thương mại quốc tế | 3 |
| 5 | Đầu tư quốc tế | 3 |
| 6 | Tài chính quốc tế | 3 |
| 7 | Kinh doanh quốc tế | 3 |
| 8 | Kinh tế tiền tệ-ngân hàng | 3 |
| 9 | Kinh tế công cộng | 3 |
| Tổng cộng | | 27 |

❖ **Đối với chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Tài chính - Ngân hàng.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, Kinh tế học, Bảo hiểm, Quản lý và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Tài chính - Ngân hàng được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|-------------------------------|-------------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng | 3 |
| 4 | Quản trị ngân hàng thương mại | 3 |
| 5 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 |
| Tổng cộng | | 15 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, Kinh tế học, Bảo hiểm, Quản lý và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Tài chính - Ngân hàng được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|-----------|--|-------------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng | 3 |
| 4 | Quản trị ngân hàng thương mại | 3 |
| 5 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 |
| 6 | Đầu tư tài chính | 3 |
| 7 | Nguyên lý kế toán | 3 |
| 8 | Nguyên lý marketing | 3 |
| 9 | Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ | 3 |
| | Tổng cộng | 27 |

❖ **Đối với ngành Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị kinh doanh)**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học, Quản lý, Kế toán - Kiểm toán và Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|-----------|-------------------------------|-------------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Quản trị học | 3 |
| 4 | Nguyên lý Quản trị Kinh doanh | 3 |
| 5 | Nguyên lý Marketing | 3 |
| | Tổng cộng | 15 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học, Quản lý, Kế toán - Kiểm toán và Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|-----------|-------------------------------|-------------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Quản trị học | 3 |
| 4 | Nguyên lý Quản trị Kinh doanh | 3 |
| 5 | Nguyên lý Marketing | 3 |
| 6 | Nguyên lý Kế toán | 3 |
| 7 | Quản trị tài chính | 3 |
| 8 | Quản trị Nguồn nhân lực | 3 |

| | | |
|------------------|---------------------|-----------|
| 9 | Quản trị chiến lược | 3 |
| Tổng cộng | | 27 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành: Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh và các ngành xã hội, kĩ thuật được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 12 môn (34 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|---------------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Quản trị học | 3 |
| 4 | Nguyên lý Quản trị Kinh doanh | 3 |
| 5 | Nguyên lý Marketing | 3 |
| 6 | Nguyên lý Kế toán | 3 |
| 7 | Quản trị tài chính | 3 |
| 8 | Quản trị Nguồn nhân lực | 3 |
| 9 | Quản trị chiến lược | 3 |
| 10 | Quản trị sản xuất và tác nghiệp | 2 |
| 11 | Quản trị chất lượng | 2 |
| 12 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng | 3 |
| Tổng cộng | | 34 |

❖ **Đối với chuyên ngành Quản lý kinh tế**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế
- Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm Kinh tế học nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản lý kinh tế được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|-----------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Quản trị học | 3 |
| 4 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 3 |
| 5 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng | 3 |
| Tổng cộng | | 15 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý và Kinh doanh được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|----|---------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Quản trị học | 3 |

| | | |
|---|-----------------------------|-----------|
| 4 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 3 |
| 5 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng | 3 |
| 6 | Khoa học quản lý | 3 |
| 7 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| | Tổng cộng | 21 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 09 môn (27 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|----|-----------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Quản trị học | 3 |
| 4 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 3 |
| 5 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng | 3 |
| 6 | Khoa học quản lý | 3 |
| 7 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| 8 | Marketing | 3 |
| 9 | Kế toán | 3 |
| | Tổng cộng | 27 |

❖ **Đối với chuyên ngành Kinh tế chính trị**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế chính trị.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản lý và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế chính trị được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|----|---|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 |
| 4 | Kinh tế phát triển | 3 |
| 5 | Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi | 3 |
| | Tổng cộng | 15 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản lý và Kinh doanh không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế chính trị được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|----|---------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |

| | | |
|------------------|---|-----------|
| 3 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 |
| 4 | Kinh tế phát triển | 3 |
| 5 | Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi | 3 |
| 6 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| 7 | Kinh tế tiền tệ-ngân hàng | 3 |
| Tổng cộng | | 21 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác và có bằng lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân chính trị được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|---|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 |
| 3 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 |
| 4 | Kinh tế học phát triển | 3 |
| 5 | Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi | 3 |
| 6 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| 7 | Kinh tế tiền tệ-ngân hàng | 3 |
| 8 | Kinh tế công cộng | 3 |
| 9 | Kinh tế môi trường | 3 |
| Tổng cộng | | 27 |

❖ **Đối với chuyên ngành Quản trị công nghệ và Phát triển doanh nghiệp:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, thương mại, luật, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 5 môn (15 tín chỉ).

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|------------------|--|------------|
| 1 | Đại cương về quản trị công nghệ | 3 |
| 2 | Thiết kế và công nghệ | 3 |
| 3 | Đại cương về phát triển doanh nghiệp | 3 |
| 4 | Nhập môn khoa học quản trị | 3 |
| 5 | Hệ thống pháp luật Việt Nam về công nghệ và doanh nghiệp | 3 |
| Tổng cộng | | 15 |

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành công nghệ, kỹ thuật và khoa học tự nhiên, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 5 môn (15 tín chỉ):

| TT | Môn học | Số tín chỉ |
|----|--------------------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế học vĩ mô | 3 |
| 2 | Kinh tế học vi mô | 3 |
| 3 | Đại cương về phát triển doanh nghiệp | 3 |

| | | |
|---|--|-----------|
| 4 | Nhập môn khoa học quản trị | 3 |
| 5 | Hệ thống pháp luật Việt Nam về công nghệ và doanh nghiệp | 3 |
| | Tổng cộng | 15 |

2.2. Điều kiện về thâm niên công tác:

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay.

- Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi)

- Riêng đối tượng dự thi thạc sĩ chuyên ngành *Quản trị kinh doanh* có bằng tốt nghiệp đại học chính quy (kể cả loại khá trở lên) các ngành: Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh thương mại và các ngành Kỹ thuật phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

- Riêng đối tượng dự thi thạc sĩ chuyên ngành *Quản lý kinh tế*: phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến quản lý kinh tế, kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nhập học) tại một trong những vị trí, lĩnh vực công tác sau đây:

- Lãnh đạo, chuyên viên, nghiên cứu viên các đơn vị có chức năng nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước hoặc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội.
- Giảng viên giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Lãnh đạo từ cấp phó phòng hoặc tương đương trở lên tại các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân.

- Riêng đối tượng dự thi thạc sĩ chuyên ngành *Kinh tế chính trị*: có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác và có bằng lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân chính trị phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kinh tế chính trị

- Riêng đối tượng dự thi thạc sĩ chuyên ngành *Quản trị công nghệ và Phát triển doanh nghiệp*: phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý khoa học và công nghệ, quản trị kinh doanh (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi), đã đảm nhiệm một trong những vị trí công tác sau đây:

- Cán bộ, công chức, viên chức đang trực tiếp thực hiện công tác quản lý về khoa học và công nghệ ở các cấp từ trung ương tới địa phương.
- Cán bộ, công chức, viên chức đang trực tiếp thực hiện công tác quản lý về kinh tế và kinh doanh ở các cấp từ trung ương tới địa phương.
- Nhân viên quản lý các cấp tại các doanh nghiệp nhà nước, văn phòng đại diện, doanh nghiệp có vốn FDI (kể cả nhân viên quản lý người nước ngoài), doanh nghiệp ngoài quốc doanh.
- Các giảng viên cao đẳng, giảng viên đại học khối kỹ thuật, kinh tế và quản trị kinh doanh muốn nâng cao trình độ để giảng dạy bộ môn quản trị công nghệ, phát triển doanh nghiệp hoặc các bộ môn khoa học liên ngành.

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ B1 ĐƯỢC CÔNG NHẬN
TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ TẠI ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số 399 /TB-ĐHKT, ngày 14 tháng 03 năm 2013)

| STT | Cơ sở đào tạo | Chứng chỉ B1 được công nhận | | | | |
|-----|----------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------|--------------------|------------------|
| | | <i>Tiếng Anh</i> | <i>Tiếng Nga</i> | <i>Tiếng Pháp</i> | <i>Tiếng Trung</i> | <i>Tiếng Đức</i> |
| 1 | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN | √ | √ | √ | √ | √ |
| 2 | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng | √ | √ | | | |
| 3 | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế | √ | √ | √ | √ | |
| 4 | Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh | √ | √ | √ | √ | |
| 5 | Trường ĐH Hà Nội | √ | √ | √ | √ | √ |